TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HC-PT
Ngày 09 - 01 - 2024

V/v khởi kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Ông Phạm Đình Khánh.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lí số: 721/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 10 năm 2023 về "*Khởi kiện quyết định hành chính"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15074/QĐ-PT ngày 25/12/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

* *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện P, tỉnh Phú Thọ;

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Ngọc T, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Phú Thọ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* UBND xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thế C, chức vụ: Chủ tịch UBND xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H1 - Công chức địa chính UBND xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ (theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2024) có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm số: 17/2023/HC-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, nội dung vụ án như sau:

Ông Nguyễn Văn H có thửa đất số 31, tờ bản đồ số 36 địa chỉ khu A, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất ngày 23/10/2001 đứng tên hộ ông Nguyễn Mạnh H2 với diện tích đất 709m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở và 309m^2 đất vườn). Ngày 04/8/2004 ông H2 đã chuyển nhượng 320m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở và 120m^2 đất vườn) cho bà Nghiêm Thị T1, diện tích đất còn lại là 389m^2. Đến năm 2008 thực hiện Dự án mở rộng đường Quốc lộ 2, UBND huyện P đã ra Quyết định số 196 ngày 31/01/2008 về việc thu hồi diện tích 278m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở và 78m^2 đất vườn) đất của các hộ gia đình để thực hiện dự án; diện tích đất còn lại là 111m^2 đất vườn; đồng thời ban hành Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Theo đó, ông H2 được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 68.861.768đ (trong đó 61.272.960đ bồi thường về đất và 7.588.808đ là tiền bồi thường về tài sản). Việc thu hồi đất và bồi thường ông không có ý kiến gì, nên đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và không có kiếu nại, khởi kiện gì. Năm 2020, ông nắm được diện tích đất thu hồi của ông không sử dụng vào việc làm đường nên ông đã có văn bản gửi đến UBND tỉnh và UBND huyện P để đề nghị giao lại cho ông diện tích đất 278m^2 đã thu hồi nhưng không sử dụng vào việc mở rộng đường Quốc lộ 2. Ngày 21/9/2022 Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ đã cấp GCNQSD đất cho ông với tổng diện tích là 516,5m^2, trong đó có cả phần đất thu hồi chưa sử dụng (đất hợp thửa theo luật quy định).

Năm 2008 trên diện tích đất thu hồi không có công trình xây dựng chỉ có cây cối hoa màu. Quá trình sử dụng thửa đất trên, trước khi thu hồi và sau khi thu hồi ông chỉ sử dụng vào việc làm vườn.

Ngày 21/11/2022 ông có đơn đề nghị "Trách nhiệm bồi thường Nhà nước" gửi Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Phú Thọ và UBND huyện P đã ban hành công văn số 1646 ngày 13/12/2022 (sau đây gọi tắt là công văn 1646) về việc trả lời đơn nội dung không chấp nhận yêu cầu của ông.

Không đồng ý với nội dung của công văn số 1646, ông khởi kiện những nội dung sau:

- Yêu cầu hủy bỏ văn bản số 1646 ngày 13/12/2022 của UBND huyện P về việc trả lời đơn.

- Buộc UBND huyện P phải bồi thường cho ông các thiệt hại tổng là 290.500.000đ (hai trăm chín mươi triệu năm trăm nghìn đồng) gồm các khoản tiền sau:

+ Hợp đồng làm dịch vụ pháp lý: 30.000.000đ

+ Thuê nhà ông C1 ở S, Đ: 41.000.000đ

+ Thuê nhà bà L ở xã T: 169.000.000đ

+ Thuê xe đi lại trong 14 năm (2008 - 2023): 20.000.000đ

+ Tiền in ấn tài liệu và gửi các cơ quan qua bưu điện: 15.000.000đ

+ Tiền ảnh hưởng về tinh thần từ năm 2008 - 2023: 15.000.000đ

** Người bị kiện là UBND huyện P trình bày:*

Năm 2005, Bộ G ban hành Quyết định số 3577/QĐ-BGTVT ngày 26/9/2005 về việc đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ B đoạn Đền H3 - Đ. Năm 2007, UBND tỉnh P ban hành Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 16/01/2007 v/v thu hồi và giao đất xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ B, đoạn Đền H3 - Đoan Hùng. Ngày 15/3/2007, Sở T2 đã giao đất tại thực địa cho Ban Q - PMU5 thuộc Bộ G.

Thực hiện Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 16/01/2007, Chủ đầu tư (Ban Q - PMU5 thuộc Bộ G) đã phối hợp đơn vị tư vấn, UBND xã T lập Bản đồ địa chính hiện trạng phục vụ GPMB. Tại đoạn đường có thu hồi đất của ông Nguyễn Văn H được thể hiện trên tờ số 03, do Công ty cổ phần T3 lập ngày 24/9/2007.

UBND huyện đã thành lập Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư; tổ chức kiểm kê xác định thiệt hại về đất, tài sản trên đất của các hộ gia đình trong phạm vi chỉ giới thu hồi của dự án; trình UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường. Trong đó: Hộ ông Nguyễn Văn H bị thu hồi 278m^2 (gồm 200m^2 đất ở và 78m^2 đất vườn), cùng các tài sản trên đất: Cây cối: Chàm, si, xoài, chuối, bạch đàn, mai, dâu da xoan, đa cảnh; vật kiến trúc: Cột bê tông cốt thép, móng tường xây gạch chỉ, giằng bê tông cốt thép, thành xây gạch chỉ, tấm đan bê tông cốt thép, cột điện bê tông cốt thép (không có nhà ở).

Ngày 31/01/2008, UBND huyện P ban hành Quyết định số 196/QĐ-UBND "Về việc thu hồi diện tích đất của các hộ gia đình, cá nhân để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ B đoạn đi qua xã T" (trong đó có ông Nguyễn Văn H). Ngày 14/3/2008, UBND đã ban hành Quyết định số 660/QĐ-UBND về việc duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ B đoạn Đền H3 - Đoan Hùng trên địa bàn xã T, huyện P. Theo đó: Hộ ông Nguyễn Văn H (tức Nguyễn Văn H, vợ là bà Nguyễn Thị L1) được bồi thường tổng số tiền: 68.861.768 đồng (gồm: Bồi thường về đất 61.272.960 đồng, bồi thường về cây cối, vật kiến trúc: 7.588.808 đồng). Ngày 10/4/2008, Hội đồng bồi thường, HT&TĐC đã tổ chức chi trả tiền bồi thường và ông Nguyễn Văn H đã nhận đầy đủ số tiền 68.861.768 đồng, ông H không có ý kiến thắc mắc gì.

Quá trình thi công do chủ đầu tư không sử dụng diện tích thu hồi của ông Nguyễn Văn H vào làm đường, lý do: Nếu mở rộng đường, nắn sang phía thửa đất của ông H thì sẽ ảnh hưởng đến khu vực cổng chùa Q1, khu A, xã T. Do vậy, đơn vị thi công vẫn sử dụng cốt nền đường cũ để không liên quan đến vấn đề tâm linh và giảm chi phí mở rộng đường, dẫn đến diện tích đất của ông H (đã bị thu hồi theo Quyết định số 196/QĐ-UBND của UBND huyện P) không sử dụng vào việc mở rộng đường.

Căn cứ bản đồ địa chính hiện trạng phục vụ GPMB do chủ đầu tư cung cấp cho UBND huyện, UBND huyện đã thu hồi đất của ông H theo đúng chỉ giới thu hồi mở rộng đường Quốc lộ 2; Hội đồng bồi thường HT&TĐC đã chi trả tiền bồi thường đối với đất và tài sản trên đất cho ông H đúng quy định. UBND huyện không có lỗi trong việc thu hồi đất và bồi thường như trên.

Trong quá trình thực hiện dự án, Ban Q - PMU5 không cung cấp hồ sơ điều chỉnh quy hoạch liên quan đến việc không thu hồi diện tích đất của hộ ông H.

Sau khi hoàn thiện việc mở rộng đường Quốc lộ 2 (thi công xong năm 2010), diện tích đất của ông H không bị thi công đến, vẫn còn nguyên trạng. Ngày 22/12/2020, ông Nguyễn Văn H có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh P đề nghị trả lại phần đất thu hồi quá chỉ giới để thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo đường Quốc lộ 2 đoạn Đền H3 - Đ. Ngày 06/01/2021, UBND tỉnh đã chuyển đơn của ông H kèm theo Văn bản số 46/UBND-TD v/v xử lý, giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn H, khu A, xã T, huyện P.

Thực hiện Văn bản số 46/UBND-TD, Chủ tịch UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 thành lập Đoàn rà soát việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn H. Căn cứ kết quả rà soát, làm việc với công dân và làm rõ các nội dung nêu trong đơn của ông Nguyễn Văn H, ngày 04/02/2021, UBND huyện P đã báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả rà soát, xử lý, giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn H. Ngày 24/02/2021 UBND tỉnh P ban hành Văn bản số 640/UBND-TD v/v xử lý báo cáo, đề xuất của UBND huyện P liên quan đến việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn H; Văn bản số 697/TNMT-QLĐĐ ngày 30/03/2021 của Sở T2 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn H.

Thực hiện 02 Văn bản nêu trên, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 về việc điều chỉnh Quyết định số: 196/QĐ-UBND ngày 31/01/2008 của UBND huyện P.

Ngày 12/7/2021, UBND huyện P đã gửi ông Nguyễn Văn H văn bản số 886/UBND-TNMT v/v nộp lại tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Sau khi nhận được Văn bản số 886/UBND-TNMT, ông Nguyễn Văn H đã nộp lại số tiền 68.861.768 đồng vào Kho bạc Nhà nước P (theo Phiếu chuyển khoản lập ngày 14/7/2021 của Kho bạc Nhà nước P),

Ngày 19/5/2022, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện P nhận được hồ sơ của ông Nguyễn Văn H yêu cầu giải quyết: "Thu hồi GCNQSD đất đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn

liền với đất phát hiện". Trong hồ sơ có: Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 31 tờ bản đồ số 36 do ông Nguyễn Văn H ký ngày 09/5/2022. Hồ sơ thể hiện diện tích thửa đất số 31 tờ bản đồ số 36 trong GCNQSD đất là 389m^2, diện tích theo hiện trạng sử dụng là 516,5 m^2 (tăng 127,5 m^2).

Sau khi hết thời gian công khai Thông báo thu hồi GCNQSD đất của ông Nguyễn Văn H (lý do thu hồi: GCNQSD đất đã cấp không đúng diện tích sử dụng đất thu hồi theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 106, Luật Đất đai năm 2013), ngày 12/9/2022, UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 1524/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSD đất.

Ngày 21/9/2022, ông Nguyễn Văn H đã được UBND huyện P cấp đổi GCNQSD đất số DD 354297 đối với thửa đất số 31 tờ bản đồ số 36, diện tích 516,5 m^2 (gồm 200m^2 đất ở và 316,5 m^2 đất trồng cây lâu năm), tại khu A, xã T.

Sau khi ông H được nhận lại đất, được cấp đổi GCNQSD đất, ngày 21/11/2022, ông H đã gửi đơn đề nghị đến Chủ tịch UBND huyện P, đề nghị các cơ quan nhà nước bồi thường: Tiền thuê nhà ở trong thời gian nhà nước thu hồi đất đến khi nhà nước trả lại đất, các chi phí khác được bồi thường theo điều 28 khoản 2 điểm a, b, c Luật 10/2017/QH2014.

Sau khi nhận được đơn của ông H, Chủ tịch UBND huyện đã giao Thanh tra huyện tham mưu xử lý đơn. Thanh tra huyện đã có Văn bản đề xuất trả lời đơn theo quy định được Lãnh đạo UBND huyện duyệt đề xuất. Thanh tra huyện nghiên cứu hồ sơ, tham mưu UBND huyện ban hành Văn bản số 1646/UBND-TTr ngày 13/12/2022 về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn H.

UBND huyện P có quan điểm không xem xét giải quyết nội dung đề nghị của ông Nguyễn Văn H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã T trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 31 tờ bản đồ số 36 diện tích 709m^2 đứng tên ông Nguyễn Văn H theo sổ mục kê quản lý đất lưu giữ tại xã đứng tên chủ sử dụng đất là 2023 Nguyễn Văn H. Tại sổ mục kê thể hiện ngày 04/8/2004 ông H đã chuyển nhượng 320m^2 đất cho bà Nghiêm Thị T1 (trong đó có 200m^2 đất ở và 120 m^2 đất vườn).

Năm 2008 thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ B, Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 31/01/2008 thu hồi diện tích đất của các hộ gia đình cá nhân để thực hiện dự án trên, trong đó có thu hồi của ông Nguyễn Văn H 278m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở và 78m^2 đất vườn).

Khi thu hồi trên đất không có nhà ở, vật kiến trúc gì, chỉ có cây cối hoa màu. Ông H là người trồng và thu hoạch cây cối. Ông H đã thực hiện việc kiểm kê và nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Sau khi thu hồi, UBND xã không nhận được bất kỳ khiếu nại nào từ phía ông H. Đến ngày 21/9/2022 ông H được UBND huyện P cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích

516,5m^2. Lý do cấp: Ông H có đơn đề nghị gửi UBND tỉnh và UBND huyện về việc cấp lại diện tích đất đã bị thu hồi nhưng chưa sử dụng đến.

Quan điểm của UBND xã đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông H, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng Hành chính; Điểm b khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 36 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của của ông Nguyễn Văn H yêu cầu hủy văn bản số 1646/UBND-TTr ngày 13/12/2022 của UBND huyện P, tỉnh Phú Thọ về việc trả lời đơn và đề nghị UBND huyện P phải bồi thường thiệt hại do việc thu hồi đất không đúng, tổng số tiền bồi thường là 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng) (gồm Hợp đồng dịch vụ pháp lý 30.000.000 đồng; thuê nhà ông C1 ở xã S, huyện Đ 41.000.000 đ; thuê nhà bà L1 ở xã T, huyện P 169.000.000đ; thuê xe đi lại trong 4 năm từ 2008- 2023: 20.000.000đ; tiền in, ấn tài liệu và gửi các cơ quan theo đường bưu điện 15.000.000đ; tiền ảnh hưởng về tinh thần từ năm 2008-2023: 15.000.000đ).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/9/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận được đơn kháng cáo đề ngày 06/9/2023 của ông Nguyễn Văn H là người khởi kiện với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Ông Nguyễn Văn H trình bày: Bản án sơ thẩm đã không khách quan; năm 2008 UBND huyện P thu hồi đất của ông để thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ B, nhưng việc thu hồi đất không đúng quy hoạch của dự án; thu hồi hết đất của ông nhưng không bố trí tái định cư, sau nhiều năm khiếu nại thì năm 2022 UBND huyện P mới hủy bỏ quyết định thu hồi đất và trả lại đất cho ông. Việc làm của UBND huyện P là trái pháp luật, nên phải bồi thường cho ông theo Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là văn bản số 1646/UBND-TTr ngày 13/12/2022 của UBND huyện P về việc trả lời đơn, đồng thời đề nghị Tòa án buộc UBND huyện P phải bồi thường thiệt hại do việc thu hồi đất không đúng, tổng số tiền bồi thường là 290.000.000 đồng. Đây là quyết định hành chính cá biệt là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, người ban hành là UBND cấp huyện nên thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 13/12/2022 UBND huyện P ban hành văn bản hành chính bị khởi kiện thì ngày 22/5/2023 ông Nguyễn Văn H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là đang trong thời hạn một năm, nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã thụ lí, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa một số đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

** Về nội dung:*

[3] Sau khi có Quyết định số 3577/QĐ-BGTVT, ngày 26/9/2005 của Bộ G về việc đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ B đoạn Đền H3 - Đoan Hùng; UBND tỉnh P ban hành Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 16/01/2007 về việc thu hồi diện tích đất của các hộ gia đình, cá nhân để xây dựng công trình. Trên cơ sở đó UBND huyện P đã thực hiện các bước trình tự theo quy định của pháp luật về thu hồi đất, kiểm đếm tài sản, sau đó ban hành Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 31/01/2008 về việc thu hồi diện tích đất của các hộ gia đình, cá nhân để triển khai thực hiện dự án xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp quốc lộ B đoạn đi qua xã T, huyện P (trong đó có thu hồi 278m^2 đất của ông Nguyễn Văn H). Về chủ trương và quyết định thu hồi đất cũng như phê duyệt phương án bồi thường,

hỗ trợ khi thu hồi đất, ông Nguyễn Văn H nhất trí nên không có ý kiến gì và đã tự nguyện nhận tiền bồi thường và bàn giao đất theo đúng quy định; sau khi nhận đất, ngày 15/3/2007 Sở T2 đã bàn giao đất tại thực địa cho Ban Q, Bộ G. Việc thu hồi diện tích đất của UBND huyện P phù hợp với Bản đồ địa chính hiện trạng phục vụ GPMB dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ B địa điểm xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ (Lý trình từ Km 89+971 đến Km 93+488), tỷ lệ 1/1000, năm 2007. Trong quá trình thi công do điều chỉnh quy hoạch nên chưa sử dụng đến 278m^2 đất đã thu hồi của ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn H có đơn đề nghị tiếp tục được sử dụng thửa đất nói trên, ông cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính, thuế theo quy định pháp luật; trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh P, UBND huyện P căn cứ vào Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ để điều chỉnh Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 31/01/2008 của UBND huyện P. Theo đó, không thu hồi diện tích đất của ông H nữa, đồng thời cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Văn H là đúng quy định của pháp luật.

[4] Đối với văn bản số 1646, thấy: Như đã phân tích ở trên thì việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của UBND huyện P là đúng quy định của pháp luật, việc cấp lại đất cho ông Nguyễn Văn H là do điều chỉnh quy hoạch của dự án, nên đơn vị thi công chưa sử dụng phần đất thu hồi, ông Nguyễn Văn H có đơn xin lại diện tích đất bị thu hồi và tự nguyện nộp lại số tiền đã được bồi thường, hỗ trợ, nên UBND huyện P mới điều chỉnh quyết định thu hồi đất; sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn H, UBND huyện P đã tiến hành xác minh, đối thoại; trên cơ sở kết quả xác minh thấy việc khiếu nại của ông H không có căn cứ, nên đã ban hành văn bản số 1646/UBND-TTr ngày 13/12/2022 về việc trả lời đơn của ông H. Theo đó, không chấp nhận khiếu nại của ông H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu UBND huyện P phải bồi thường thiệt hại do việc thu hồi đất không đúng, tổng số tiền bồi thường là 290.000.000 đồng: Như đã phân tích trên, do việc thu hồi đất của UBND huyện P được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất là do điều chỉnh quy hoạch của dự án chưa sử dụng đến diện tích đất thu hồi của ông H, nên UBND huyện P không có lỗi; Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của ông H là có căn cứ.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã xem xét đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng ông H là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí, nên miễn án phí cho ông H theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm